Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP IN SGK TP.HCM
Địa chỉ: 240 TRẦN BÌNH TRỌNG - P.4 - Q. 5

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2014

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MS	TM	QUÝ 3 NĂM 2014		LUỸ KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1 524 259 485	2 137 633 970	9 220 847 879	11 181 262 319
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1 524 259 485	2 137 633 970	9 220 847 879	11 181 262 319
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1 473 812 740	1 687 286 526	7 065 888 509	8 171 976 568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		50 446 745	450 347 444	2 154 959 370	3 009 285 751
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	58 628 199	101 431 519	179 611 541	312 994 879
7. Chi phí tài chính	22	VI.28				
Trong đó : Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	24		23 620 253	74 819 188	194 467 047	277 496 765
9. Chi phí quản lí doanh nghiệp	25		243 666 680	285 170 557	1 453 165 233	1 866 246 202
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh[30=20+(21-22)-(24+25)]	30		- 158 211 989	191 789 218	686 938 631	1 178 537 663
11. Thu nhập khác	31		743 990 511	321 737 500	923 990 515	399 924 790
12. Chi phí khác	32		40 113 038	377 222 690	202 601 775	377 223 266
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		703 877 473	-55 485 190	721 388 740	22 701 524
14. Tổng lợi nhuận trước thuế(50=30+40)	50		545 665 484	136 304 028	1 408 327 371	1 201 239 187
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	152 501 134	57 025 394	314 717 994	216 673 904
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51-52)	60		393 164 350	79 278 634	1 093 609 377	984 565 283
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Tp. HCM, ngày 10 tháng 10 năm 2014

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)
	Nguyễn Thị Ngọc Cúc	Lê Chí Viện

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Signature Not Verified
Được ký bởi HUỲNH THỊ THU HÒA
Ngày ký: 16.10.2014 09:24

CÔNG TY CP IN SGK TP.HCM
240 Trần Bình Trọng, P4, Q5

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 3/2014

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2014)	SỐ CUỐI KÌ (30/09/2014)
A. Tài sản ngắn hạn	**100**		**9 118 225 382**	**8 659 266 482**
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3 613 254 968**	**5 774 329 944**
1.Tiền	111	V01	113 254 968	774 329 944
2. Các khoản tương đương tiền	112		3 500 000 000	5 000 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**			
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V02		
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**5 104 889 633**	**2 146 228 111**
1. Phải thu của khách hàng	131		4 499 975 418	806 009 778
2. Trả trước cho người bán	132		16 500 000	49 500 000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng XD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V03	588 414 215	1 290 718 333
6. Dự phòng các khoản PT ng/hạn khó đòi	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**		**387 294 781**	**738 122 427**
1. Hàng tồn kho	141	V04	387 294 781	738 122 427
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**12 786 000**	**586 000**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu	154	V05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12 786 000	586 000
B. Tài sản dài hạn	**200**		**8 070 075 158**	**8 277 193 967**
I. Các khoản thu dài hạn	**210**			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06		
4. Các khoản phải thu dài hạn khác	218	V07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	**220**		**2 778 006 703**	**2 144 566 138**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V08	1 591 329 020	957 888 455
- Nguyên giá	222		22 615 623 181	22 615 623 181
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		- 21 024 294 161	- 21 657 734 726
2. Tài sản cố định di thuê tài chính	224	V09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10		
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	1 186 677 683	1 186 677 683

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2014)	SỐ CUỐI KÌ (30/09/2014)
III. Bất động sản đầu tư	**240**	**V12**		
1. Nguyên giá	241			
2. Giá trị hao mòn luỹ kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào CT liên kết,liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13		
4. Dự phòng giảm giá CK ĐT dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**5 292 068 455**	**6 132 627 829**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V14	5 292 068 455	6 132 627 829
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**17 188 300 540**	**16 936 460 449**

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ CUỐI KÌ
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**3 399 156 540**	**2 172 507 072**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3 399 156 540**	**2 172 507 072**
1. Phải trả cho người bán	312		694 285 077	47 491 243
2. Người mua trả tiền trước	313			
3.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		575 381 790	348 936 984
4. Phải trả người lao động	315		518 354 346	257 690 251
5. Chi phí phải trả	316			192 500 000
6. Các khoản phải trả,phải nộp khác	319		1 701 934 777	1 439 488 044
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		- 90 799 450	- 113 599 450
II. Nợ dài hạn	**330**			
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**13 789 144 000**	**14 763 953 377**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**13 789 144 000**	**14 763 953 377**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12 869 840 000	12 869 840 000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1 093 848 666	1 093 848 666
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		76 950 378	76 950 378
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		- 251 495 044	723 314 333
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	**433**			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**17 188 300 540**	**16 936 460 449**

TP.HCM, ngày 03 tháng 10 năm 2014

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Chí Viện

CÔNG TY: CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA TP.HCM
Địa chỉ: 240 TRẦN BÌNH TRỌNG, PHƯỜNG 4, QUẬN 5, TP.HCM
Tel: 08 38302225 - 08 38355329 Fax: 08 38353171- 08 38302225

Mẫu số B 03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Quý 3/2014

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	TM	9 tháng đầu năm 2014	9 tháng đầu năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		14,121,411,506	11,701,415,411
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-7,751,173,259	-6,145,949,317
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-3,846,708,942	-4,297,024,927
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-250,117,949	-386,362,711
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		656,653,739	411,285,025
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-956,518,327	-307,038,704
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**1,973,546,768**	**976,324,777**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			**0**	**0**
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			-34,100,000
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			0
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-3,000,000,000	-3,000,000,000
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3,000,000,000	
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		187,528,208	279,685,759
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**187,528,208**	**-2,754,414,241**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	0
4.Tiền chi trả nợ gốc vay	34		0	0
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-1,157,826,375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**0**	**-1,157,826,375**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		**2,161,074,976**	**-2,935,915,839**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3,613,254,968	4,827,321,334
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**		**5,774,329,944**	**1,891,405,495**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2014

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc Cúc

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ CHÍ VIỆN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo khoa Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại quyết định số 7976/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002074 ngày 30/01/2004 và thay đổi lần thứ nhất vào ngày 10 tháng 07 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/TTGDHN – ĐKGD ngày 27/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ: 26.100.000.000 đồng.

***Vốn góp thực tế đến thời điểm 30/09/2014 là:** 12.869.840.000 đồng, trong đó vốn Nhà nước*

(Nhà Xuất bản Giáo dụcViệt Nam) là 4.151.700.000 đồng chiếm tỷ lệ 32.26 %.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 240 Trần Bình Trọng, P.4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84) 08.38353171
- Fax : (84) 08.38352027

Ngành nghề kinh doanh chính

- In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm: giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm khác;
- Mua bán vật tư thiết bị kỹ thuật ngành in.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các khoản phải thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 6

4.5 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.7 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty áp dụng theo Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

4.8 Quỹ Tiền lương

Quỹ lương được xác định trên cơ sở đơn giá tiền lương đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 thông qua: 1,90 đồng tiền lương/1 trang in công nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 28/04/2014.

4.9 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.11 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Hoạt động in sách giáo khoa, in các tài liệu khác và bán giấy phế liệu áp dụng mức thuế suất 10%. Riêng thuế suất thuế GTGT đối với tiền lãi từ việc cho vay ngắn hạn là 0%
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% dành cho doanh nghiệp có doanh thu dưới 20 tỷ đồng/năm theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 17/06/2014.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.12 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	30/09/2014(VNĐ)	31/12/2013(VNĐ)
Tiền mặt	35.830.507	33.321.344
Tiền gửi ngân hàng	738.499.437	79.933.624
Tương đương tiền	5.000.000.000	500.000.000
Cộng	**5.774.329.944**	**613.254.968**

6. Đầu tư ngắn hạn:	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013(VNĐ)**
Cho vay (Công ty TNHH MTV NXBGD VN)	0	3.000.000.000

7.Các khoản phải thu khác	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013(VNĐ)**
Phải thu khác	1.290.718.333	588.414.215
Cộng	**1.290.718.333**	**588.414.215**

8. Hàng tồn kho	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013 (VNĐ)**
Nguyên liệu, vật liệu	738.122.427	328.007.538
Thành phẩm tồn kho	0	0
Chi phí SX-KD dở dang	0	59.287.243
Cộng	**738.122.427**	**387.294.781**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

ĐVT:VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc Thiết bị	Thiết bị, d.cụ Qlý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	**1.707.961.422**	**20.876.136.759**	**31.525.000**	**22.615.623.181**
Mua sắm trong kỳ				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	**1.707.961.422**	**20.876.136.759**	**31.525.000**	**22.615.623.181**
Khấu hao				
Số đầu kỳ	**1.263.213.831**	**19.729.555.330**	**31.525.000**	**21.024.294.161**
Khấu hao trong kỳ	32.824.593	600.615.972	0	633.440.565
Gảm trong kỳ			0	0
Số cuối kỳ	**1.296.038.424**	**20.330.171.302**	**0**	**21.657.734.726**
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	**444.747.591**	**1.146.581.429**	**0**	**1.591.329.020**
Số cuối kỳ	**411.922.998**	**545.965.457**	**0**	**957.888.455**

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm 2013 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.977.986.090 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm 2013 không sử dụng chờ thanh lý: 559.085.900 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013(VNĐ**
Nhà máy in sách giáo khoa tại KCN Cát Lái, Quận 2 Tp.HCM	1.186.677.683	1.186.677.683

11. Chi phí trả trước dài hạn	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013(VNĐ**
Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Cát Lái Quận 2 Tp.HCM	6.123.804.844	5.260.293.580
Chi phí trả trước CCDC	8.822.985	31.774.875

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013(VNĐ)**
Thuế giá trị gia tăng	117.471.244	290.307.865
Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.501.134	87.901.088
Thuế thu nhập cá nhân	(142.323)	2.882.237
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	258.290.600	194.290.600
Cộng	**528.120.655**	**575.381.790**

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	**30/09/2014 (VNĐ)**	**31/12/2013(VNĐ**
Kinh phí công đoàn	3.885.850	79.273.325
Phải nộp BHXH, Ytế	7.027.434	4.600.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Phải nộp BHTN	0	387.725
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp.HCM	1.186.677.683	1.259.433.064
Phải trả khác	241.897.077	358.240.574
Cộng	**1.439.488.044**	**1.701.934.777**

14. Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu	**30/09/2014 (VNĐ)**	**31/12/2013(VNĐ)**
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	4.151.700.000	4.151.700.000
Vốn góp của Cổ đông khác	8.718.140.000	8.718.140.000
Cộng	**12.869.840.000**	**12.869.840.000**

b.Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013 (VNĐ**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.869.840.000	12.869.840.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.093.848.666	1.093.848.666
Quỹ dự phòng tài chính	76.950.378	76.950.378
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	723.314.333	(251.495.044)
Cộng	**14.763.953.377**	**13.789.144.000**

a. Cổ phiếu	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013 (VNĐ**
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu thường	1.286.984	1.286.984
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000VND

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**30/09/2014(VNĐ)**	**31/12/2013 (VNĐ)**
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(251.495.044)	1.095.225.504
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.093.609.377	(460.377.374)
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế		886.343.174
Phân phối lợi nhuận năm trước	118.800.000	886.343.174
* *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*	-	*204.905.935*
* *Chia cổ tức*	-	*643.492.000*
* *Quỹ khen thưởng ban điều hành*	-	*37.945.239*
* *Thù lao HĐQT, BKS*	*118.800.000*	
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**723.314.333**	**(251.495.044)**

15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**9 tháng đầu năm 2014**	**9 tháng đầu năm 2013 (VNĐ)**
Doanh thu In ấn	9.220.847.879	11.181.262.319

16. Giá vốn hàng bán	**9 tháng đầu năm 2014**	**9 tháng đầu năm 2013 (VNĐ)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Giá vốn In ấn	7.065.888.509	8.171.976.568
17. Doanh thu hoạt động tài chính	**9 tháng đầu năm 2014**	**9 tháng đầu năm 2013 (VNĐ)**
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	179.611.541	312.994.879
18. Chi phí hoạt động tài chính	**9 tháng đầu năm 2014**	**9 tháng đầu năm 2013**
Lãi tiền vay	**0**	**0**
19. Thu nhập khác	**9 tháng đầu năm 2014**	**9 tháng đầu năm 2013**
Nguyên liệu giấy in gia công tiết kiệm so với định mức	484.284.357	39.924.790
Thu nhập từ tiền cho thuê mặt bằng Q2	120.000.000	160.000.000
Thu nhập từ tiền bồi thường di dời kho	105.000.000	200.000.000
Căn cứ QĐ 4559/QĐ-CT-XP ngày 19/09/2014 Cục thuế TP.HCM hoàn lại tiền phạt chậm nộp phạt do công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế TNDN trong 02 năm 2009-2010.	179.183.671	
Thu nhập khác	15.216	
Bán thanh lý kẽm phế liệu	35.507.273	
Cộng	**923.990.517**	**399.924.790**
20. Chi phí khác	**9 tháng đầu năm 2014**	**9 tháng đầu năm 2013**
Phân bổ tiền thuê đất Q.2	192.488.736	120.000.000
Phân bổ tiền thuê đất HĐồng LD 57 với NXB		52.488.736
Chi phí tiền nộp phạt chậm nộp, nộp hành chánh theo quyết toán thuế từ năm 2009 – 2012 (do công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm 2009 , 2010 theo công văn 2924/BTC-CST)		204.733.954
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước KCN Cát Lái, Q.2	10.000.000	
Chi phí khác	113.039	576
Tổng cộng	**202.601.775**	**377.223.266**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	9 tháng đầu năm 2014	9 tháng đầu năm 2013
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.408.327.371	1.201.239.187
- Hoạt động kinh doanh chính	*686.938.631*	*1.178.537.663*
- Hoạt động khác	*721.388.740*	*22.701.524*
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế		361.623.537
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	103.452.854	361.623.537
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	*43.952.854*	*294.123.537*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

+ Phụ cấp HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	*59.500.000*	*67.500.000*
Điều chỉnh giảm	(315.485.871)	
Lỗ năm trước chuyển sang	*(136.302.200)*	
Hoàn lại tiền nộp phạt thuế theo QĐ4559	*(179.183.671)*	
Tổng thu nhập chịu thuế	1.196.294.354	1.562.862.724
- Hoạt động kinh doanh chính	*654.089.285*	*1.540.161.200*
- Hoạt động khác	*542.205.069*	*22.701.524*
Thuế TNDN năm 2014:	314.717.994	216.673.904
Chi phí thuế TNDN hiện hành	314.717.994	216.673.904
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**1.093.609.377**	**984.565.283**

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	9 tháng đầu năm 2014	9 tháng đầu năm 2013
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.093.609.377	984.565.283
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
+ Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	1.093.609.377	984.565.283
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.286.984	1.286.984
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	**850**	**765**

22. Các bên liên quan

Trong năm, Bán hàng (bao gồm cả thuế GTGT)

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP.HCM	Công ty đầu tư	D.vụ in ấn 9 tháng đầu năm 2014	6.774.936.954
Cty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	1.997.715.052
Cty CP Sách và Thiết bị GD Miền Nam	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	6.627.960
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung Công ty đầu tư	Bán hàng hóa	775.012.688
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc		Bán hàng hóa	89.701.243
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long		Bán hàng hóa	872.100
Công ty CP Sách Giáo Dục Tp.HCM		Bán hàng hóa	73.800.236
Cộng			**9.718.666.233**

a. Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Khoản phải thu VND
Nhà Xuất bản GD tại TP.HCM	Công ty đ ầu tư	Ph ải thu tiền bán hàng	67.476.966
Cty CP ĐT&PT GD Phương Nam	Chung Cty đ ầu tư	Ph ải thu tiền bán hàng	188.471.213
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung Công ty đầu tư	Phải thu tiền bán hàng	0
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung Cty đ ầu tư	Ph ải thu tiền bán hàng	460.178.030
Công ty CP Sách Giáo Dục Tp.HCM	Chung Cty đ ầu tư	Ph ải thu tiền bán hàng	23.800.236

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Cộng	**739.926.445**

23. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

24. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2014.

Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 10 năm 2014.

Giám đốc	**Kế toán trưởng**
Lê Chí Viện	*Nguyễn Thị Ngọc Cúc*